

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HC-PT

Ngày 03/01/2019

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thu hồi đất, xử phạt hành
chính trong lĩnh vực đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tân

Ông Tô Chánh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 375/2017/TLPT-HC ngày 27 tháng 7 năm 2018, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2018/HCST ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1727/2018/QĐXXPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị Mai T (có mặt).

Trú tại: khu vực x, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn C; cư trú tại B, phường X1, quận B, thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Lê Văn U; cư trú tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2017) (có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đào Anh D; cư trú tại H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ; Chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2017). (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Chí K; cư trú tại đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H; địa chỉ: đường X2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Minh Đ; cư trú tại đường X2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2017 và ngày 17/5/2018) (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Mai T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, phía người khởi kiện trình bày: Vào năm 2003, bà Lê Thị Mai T nhận chuyển nhượng hợp pháp phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05850.QSĐĐ ngày 24/5/2002. Đến ngày 29/8/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) ra Quyết định số 4300/QĐ-UB thu hồi phần đất nêu trên để xây dựng khu dân cư C (khu A). Bà T không đồng ý vì phần đất này của bà không thuộc phạm vi khu dân cư này.

Bà T khiếu nại nhiều lần thì đến ngày 10/11/2010, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 3070/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung bác đơn khiếu nại của bà. Quyết định này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Người bị kiện trình bày: Bà Lê Thị Mai T có phần diện tích đất 80 m², thửa số 461, tờ bản đồ 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05850 do Ủy ban nhân dân thành phố (cũ) ký cấp ngày 24/5/2002. Xuất phát từ Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cũ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 4300) thu hồi phần đất 80 m² của bà T tại xã A, thành phố Cần Thơ cũ. Bà T không chấp hành quyết định thu hồi đất nên ngày 18/6/2009 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 2352/QĐ-UBND về việc xử phạt bà Lê Thị Mai T số tiền 500.000 đồng. Không đồng ý với quyết định xử phạt, bà T đã khiếu nại. Ngày 13/11/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 5950/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5950) với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Lê Thị Mai T. Bà T tiếp tục khiếu nại. Ngày 10/11/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3070/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 3070) với nội dung giữ nguyên Quyết định 5950, không chấp nhận khiếu nại của bà T.

Phần diện tích đất 80 m², thửa số 31, tờ bản đồ số 2 của bà T bị thu hồi theo Quyết định 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cũ (nay là Ủy ban nhân dân quận N) là thuộc thửa đất số 461, tờ bản đồ 28 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05850 do Ủy ban nhân dân thành phố (cũ) ký cấp ngày 24/5/2002 do bà T nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hải N.

Nguyên nhân không cập nhật số thửa theo Giấy chứng nhận vào hồ sơ kỹ thuật thửa đất là do:

Thứ nhất, đây là khu vực người dân tự phân lô (đính kèm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T) chưa được thành phố Cần Thơ cũ (nay là quận N) cập nhật vào Bản đồ địa chính. Đồng thời, một phần là do bà T chậm nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng.

Thứ hai, theo Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường (trước đây là trung tâm đo đạc bản đồ) thì việc đo đạc hiện trạng thửa đất để bồi thường là phải lập sơ đồ, số thửa mới, không quy định việc cập nhật số thửa trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lên sơ đồ đo đạc hiện trạng bồi thường này.

Do vậy, phía người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía người khởi kiện.

Trong bản tự khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H là đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ giao đầu tư dự án khu dân cư C thuộc phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà Lê Thị Mai T có đất trong phạm vi quy hoạch xây dựng dự án nói trên.

Năm 2003, bà T đã được quyết định thu hồi đất và thông báo nhận tiền bồi thường. Bà T không đồng ý với giá bồi thường, không nhận tiền theo thông báo và không chấp hành quyết định thu hồi đất mặc dù đã thương lượng nhiều lần. Sau đó, Ủy ban nhân dân quận N cưỡng chế thu hồi đất để giao cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H triển khai dự án. Nay, bà T khiếu nại, phía công ty thống nhất với Quyết định giải quyết khiếu nại số 3070 nêu trên.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vì cho rằng phần đất của bà Lê Thị Mai T không nằm trong dự án do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H đầu tư. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng, vị trí thu hồi đất là đúng phần đất của bà T. Việc ghi không trùng khớp số thửa và số tờ bản đồ là do khi thu hồi đã tiến hành đo vẽ theo tờ bản đồ mới.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015 ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tổ tụng hành chính; Điều 27 Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi, bổ sung năm 2001; Điều 43 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2005; Điều 18 của Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Mai T.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo theo luật định;

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/5/2018 bà Lê Thị Mai T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, giao trả lại 80m² đất thuộc thửa 461, tờ bản đồ số 28, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thành phố Cần Thơ cấp cho bà Lê Thị Mai T; tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, hủy Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003, Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010, của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện cho rằng diện tích đất của bà Lê Thị Mai T bị thu hồi, nằm trong dự án do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ giao cho Công ty H, được thể hiện tại các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, nên không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Mai T.

Ý kiến của Công ty H cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ giao đất cho Công ty H làm dự án, đúng theo quy định của pháp luật, Công ty H đã nhiều lần thương lượng với bà Lê Thị Mai T, nhưng bà Lê Thị Mai T không chấp nhận giá bồi thường và không nhận tiền cho rằng giá đất thấp, chứ không phải đất ngoài dự án, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, các đương sự tuân thủ đúng thủ tục tố tụng. Về nội dung của vụ án thấy: Quyết định số 4300/QĐ-UBND và Quyết định số 2246/QĐ-UBND đã giao cho Công ty H thực hiện làm dự án là thửa số 31, tờ bản đồ số 02; trong khi đó, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Lê Thị Mai T tại thửa số 461, tờ bản đồ số 28. Đồng thời tại phiên tòa người khởi kiện đã cung cấp sơ đồ bản vẽ đất của Công ty H được giao làm dự án, thì diện tích đất của bà Lê Thị Mai T nằm ngoài dự án; vì vậy việc kháng cáo của bà Lê Thị Mai T có căn cứ, nên sửa án sơ thẩm hủy quyết định bị khởi kiện và các quyết định có liên quan, đề Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại cho đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Mai T kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ, nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị Mai T cho rằng diện tích 80m² đất thuộc thửa số 461, tờ bản đồ số 28, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Mai T nằm ngoài khu quy hoạch, không bị thu hồi, còn Quyết định số 4300/QĐ-UB ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thu hồi 80m² đất tại thửa số 31, tờ bản đồ số 2 của bà Lê Thị Mai T và Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết khiếu nại không đúng pháp luật thì thấy:

[1]. Cấp sơ thẩm xác định đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Mặc dù bà Lê Thị Mai T không khởi kiện Quyết định số 4300/QĐ-UBND về thu hồi đất, nhưng khi giải quyết Quyết định số 3070 về giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết các quyết định có liên quan trên là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định trên là đúng theo quy định tại Điều 35 Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, sửa đổi bổ sung năm 2005.

[3]. Về tính hợp pháp, có căn cứ của Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì thấy:

Theo Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 09/7/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, đã thể hiện: Thu hồi 196.976,20m² đất, thuộc các tờ bản đồ số 01,02,03,04,05,06,07,08,09,10,11,12,13 tọa lạc tại xã A, thành phố Cần Thơ, giao cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng H, để đầu tư xây dựng khu (A) C.

Theo Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì: Thu hồi diện tích 80m² đất, tại thửa số 31, tờ bản đồ số 02 của bà Lê Thị Mai T.

Như vậy, đối chiếu hai quyết định trên thì diện tích đất bị thu hồi để giao cho Công ty H, đầu tư xây dựng khu (A) C, trong đó có đất tại tờ bản đồ số 02. Tuy nhiên, thực tế diện tích 80m² đất của bà Lê Thị Mai T sử dụng tại thửa 461, tờ bản đồ số 28, tại xã A, thành phố Cần Thơ; hơn nữa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mai Thảo, đã cung cấp sơ đồ bản vẽ đất của Công ty H được giao làm dự án và xác định diện tích đất của bà Lê Thị Mai T nằm ngoài đường ranh giới dự án của Công ty H. Tại phiên tòa phúc thẩm,

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ, để chứng minh diện tích đất của bà Lê Thị Mai T, bị thu hồi giao cho Công ty H, có trong Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 09/7/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Cấp sơ thẩm cho rằng theo Quyết định số 4300/QĐ-UBND thì diện tích đất của bà Lê Thị Mai T bị thu hồi, tại thửa số 31, tờ bản đồ số 02. Và diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Mai T, tại thửa 461, tờ bản đồ số 28 là một diện tích đất, chỉ dựa vào việc thẩm định của Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng, đo đạc bản đồ Tấn Cường cho rằng thửa đất 461, tờ bản đồ số 28 của bà Lê Thị Mai T, có tứ cận giáp hai bên là thửa 462 (của bà Nguyễn Thị Phụng) và thửa 460 (của bà Phan Thị Bảy), cũng thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 02 là chưa có cơ sở vững chắc. Vì đến nay người bị kiện, chưa cung cấp chứng cứ để xác định 80m² đất của bà Lê Thị Mai T tại thửa 461, tờ bản đồ số 28 đã đổi thành thửa 31, tờ bản đồ số 02. Do đó, Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, về việc thu hồi đất của bà Lê Thị Mai T không đúng số tờ, số thửa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Mai T là trái pháp luật.

[4]. Từ những phân tích trên, Quyết định số 4300/QĐ-UBND về thu hồi đất của bà Lê Thị Mai T không đúng pháp luật; nên đối chiếu Quyết định số 3070/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ là không đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Mai T, sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần hai Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và Quyết định số 4300/QĐ-UBND về thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; để Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành lại quyết định cho đúng pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, chi phí thẩm định tại chỗ.

Bà Lê Thị Mai T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị Mai T; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mai T về việc yêu cầu: Hủy Quyết định số 3070/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Mai T; hủy Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 29/8/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về thu hồi đất của bà Lê Thị Mai T.

Về lệ phí thẩm định tại chỗ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần thơ phải chịu 2.955.000 đồng; bà Lê Thị Mai T đã tạm ứng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phải hoàn trả 2.955.000 đồng cho bà Lê Thị Mai T.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phải chịu 200.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Mai T 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000977 ngày 27/4/2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Mai T không phải chịu, nên hoàn trả cho bà Lê Thị Mai T 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 001187 ngày 31/5/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 03/01/2019.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP(3), HS(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý